

Số: 576/TB - CNLC

Lào Cai, ngày 25 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO TỔ CHỨC MỜI CHÀO GIÁ

Về việc thi công công trình: Xây dựng bể chứa 300m³ nhà máy nước Bảo Yên.

Kính gửi: Các đơn vị, tổ chức có năng lực thi công xây dựng công trình.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua ngày 26/6/2026;

Căn cứ quy chế làm việc và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ – CNLC ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Tổng giám đốc công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai về việc: Giao danh mục đầu tư các dự án, công trình, mua sắm thiết bị và chi thường xuyên đợt 1 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-CNLC ngày 10/01/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng bể chứa nước sạch 300m³, nhà máy nước Bảo Yên.

Căn cứ Quyết định số 59A/QĐ-CNLC ngày 30/6/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt điều chỉnh hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Xây dựng bể chứa nước sạch 300m³ nhà máy nước Bảo Yên;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ- CNLC ngày 22/8/2026 của Tổng giám đốc công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai về việc thành lập tổ đánh giá hồ sơ chào giá công trình: Xây dựng bể chứa nước sạch 300m³ nhà máy nước Bảo Yên;

Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai có nhu cầu xây dựng 01 bể chứa nước sạch 300m³ Nhà máy nước Bảo Yên. Địa điểm tại nhà máy nước xã Bảo Yên, tỉnh Lào Cai có quy mô như sau:

Quy mô xây dựng công trình:

Bể chứa nước sạch dung tích 300m³. Hệ thống đường ống kỹ thuật dẫn nước sử dụng ống thép không gỉ có đường kính DN100÷250(mm).

Bể chứa nước sử dụng kết cấu BTCT kích thước phủ bì thành bể là (11,2x11,2)m, thành bể cao 3,55m. Kết cấu đáy, tường, dầm, nắp bể BTCT cấp cường độ chịu nén B20 (M250#), đá 1x2. Tại vị trí mạch ngừng thi công sử dụng tấm cách nước PVC-V300. Đáy bể dày 300mm trên nền đất tự nhiên. Thành ngoài bể phân tiếp xúc với đất được quét 03 lớp bitum. Thành ngoài bể phần nổi, thành trong bể trát

VXM M75# dày 15mm. Bê sử dụng cốt thép đường kính < 10mm dùng thép CB240-T (nhóm CI). Cốt thép đường kính $\geq$ 10mm dùng thép CB400-V (nhóm CIII).

Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai kính mời các đơn vị, tổ chức có đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm thi công xây dựng công trình tham gia chào giá với những nội dung chính như sau:

1. Khối lượng công việc thi công xây dựng: (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Yêu cầu hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá (báo giá); Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, chứng chỉ hoạt động xây dựng còn hiệu lực; hồ sơ năng lực, báo cáo tài chính 2 năm gần nhất. Địa chỉ, số điện thoại/Email của đại diện đơn vị chào giá trong trường hợp cần liên lạc.

- Hợp đồng xây dựng, tương tự (tối thiểu 01 hợp đồng trong 03 năm gần nhất).

- Có bảng kê vật tư, vật liệu xây dựng đầy đủ nội dung về kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ đảm bảo theo yêu cầu, có bảng cam kết bảo hành sản phẩm.

- Thời gian bảo hành công trình phải đảm bảo $\geq$ 12 tháng.

- Thời gian thực hiện thi công xây dựng trong vòng 90 ngày kể từ khi ký hợp đồng. (Bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ. vv..)

3. Thời gian, địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ 09h 00 phút ngày 05/9/2026 đến trước 17h 00 phút ngày 05/9/2026 (trong giờ hành chính)

- Hồ sơ chào giá xin gửi về Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai; Địa chỉ: Số nhà 037, đường Nguyễn Huệ, P. Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Điện thoại: 02143 830 224.

- Mọi chi tiết xin liên hệ ông: **Hứa Văn Minh** – Phòng kế hoạch – Quản lý thất thoát, SĐT: 0903 455 991. Nếu có nhu cầu làm rõ các thông tin và cung cấp hồ sơ bản vẽ thiết kế và các văn bản khác.

- Thông báo này được đăng tải thông tin lên Website Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai, tại địa chỉ: <http://capnuoclaocai.vn>.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, KH- QLTT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy

BẢNG KHỐI LƯỢNG MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH 300M3 NHÀ MÁY NƯỚC BẢO YÊN

STT	TÊN CÔNG TÁC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
	BỂ CHỨA 300M3		
1	Đào móng bằng máy đào 1,25m3, chiều rộng móng $\leq 20m$ - Cấp đất III	100m3	6,716
2	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	2,908
3	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực (Sửa đổi theo định mức 12/2021-BXD)	m3	50,371
4	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 2x4, PCB40	m3	12,334
5	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T, phạm vi $\leq 1000m$ - Cấp đất III	100m3	3,517
6	San đất bãi thải bằng máy ủi 110CV	100m3	3,517
7	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $> 250cm$, M100, đá 4x6, PCB30	m3	13,456
8	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $> 250cm$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	41,208
9	Ván khuôn móng dài	100m2	0,186
10	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m3	7,377
11	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, xà dầm, giằng, chiều cao $\leq 28m$	100m2	0,554
12	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1m^2$, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,463
13	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, sàn mái, chiều cao $\leq 28m$	100m2	0,060
14	Bê tông tường SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công - Chiều dày $\leq 45cm$, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	35,705
15	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, tường, chiều cao $\leq 28m$	100m2	2,959
16	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m3	18,816
17	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, sàn mái, chiều cao $\leq 28m$	100m2	1,061
18	Lắp dựng cốt thép móng, $\Phi K \leq 18mm$	tấn	3,105
19	Lắp dựng cốt thép móng, $\Phi K \leq 10mm$	tấn	0,049
20	Lắp dựng cốt thép tường, $\Phi K \leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	3,161
21	Lắp dựng cốt thép tường, $\Phi K \leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	1,053
22	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\Phi K \leq 10mm$, chiều cao $\leq 28m$	tấn	1,609
23	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\Phi K > 10mm$, chiều cao $\leq 28m$	tấn	0,019
24	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\Phi K \leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	1,152
25	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\Phi K \leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,162
26	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\Phi K \leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,336
27	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\Phi K \leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,026

28	Xây tường thẳng bằng gạch BT không nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày ≤33cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M50, PCB30	m3	0,664
29	Trát tường ngoài dày 1,5cm, tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường M50, XM PCB30	m2	7,834
30	Gia công nắp thăm thép hình V63x63x5	tấn	0,038
31	Gia công nắp thăm thép tròn	tấn	0,001
32	Gia công nắp thăm thép tấm	tấn	0,047
33	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	l m2	6,056
34	Lắp dựng nắp thăm	m2	2,000
35	Bê tông sản xuất bằng máy trộn và đổ bằng thủ công, bê tông hồ van, hồ ga, bê tông M150, đá 1x2, PCB40	m3	0,860
36	Ván khuôn hồ van	100m2	0,084
37	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0,092
38	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn kim loại, ván khuôn nắp đan, tấm chóp	100m2	0,004
39	Gia công, lắp đặt tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tấn	0,008
40	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤ 35kg (Sửa đổi theo định mức 12/2021-BXD)	1 cấu kiện	1,000
41	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng > 50kg bằng cần cẩu	1cấu kiện	1,000
42	Trát tường trong dày 2cm, vữa XM M75, PCB30	m2	150,263
43	Đánh màu tường trong bề	m2	150,263
44	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB30	m2	35,840
45	Quét nhựa bitum nóng vào tường 3 lớp	m2	123,200
46	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75, PCB30	m2	103,950
47	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75, PCB30	m2	115,778
48	Quét nhựa bitum nóng vào nắp bề	m2	115,778
49	Băng cản nước PVC - GPS Waterstop V200 (Theo Công bố giá tháng 12/2023)	m	87,600
50	Ống thép không rỉ D250	100m	0,020
51	Ống thép không rỉ D200	100m	0,050
52	Ống thép không rỉ D150	100m	0,005
53	Ống thép không rỉ D100	100m	0,080
54	Cút inox D250	cái	1,000
55	Cút inox D100	cái	8,000
56	Lắp đặt van mặt bích inox - Đường kính 200mm	cái	1,000
57	Lắp bích inox- Đường kính 250mm	cặp bích	0,500
58	Lắp bích inox- Đường kính 200mm	cặp bích	1,000
59	Crepin inox D250	cái	1,000
60	Thang inox có móc	cái	2,000
61	Đắp đất màu nắp bề (bao gồm cả vận chuyển)	m3	23,156
62	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày ≤33cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M25, PCB40	m3	3,143

63	Xây tường thẳng bằng gạch BT không nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày ≤33cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M50, PCB30	m3	2,899
64	Trát tường ngoài dày 1,5cm, tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường M50, XM PCB30	m2	39,048
65	Ống nhựa PVC D42	100m	0,042
66	Bê tông muong cấp, rãnh nước SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M150, đá 2x4, PCB40	m3	8,557
67	Ván khuôn mái bờ kênh muong	100m2	0,713
68	Gia công tấm grating bằng thép mạ kẽm	tấn	0,828
69	Lắp dựng tấm grating	m2	19,016
70	Lót nilon đáy rãnh	100m2	0,285

Ghi chú: Giá chào giá cho từng nội dung công việc trên bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy; chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí khác (nếu có).



